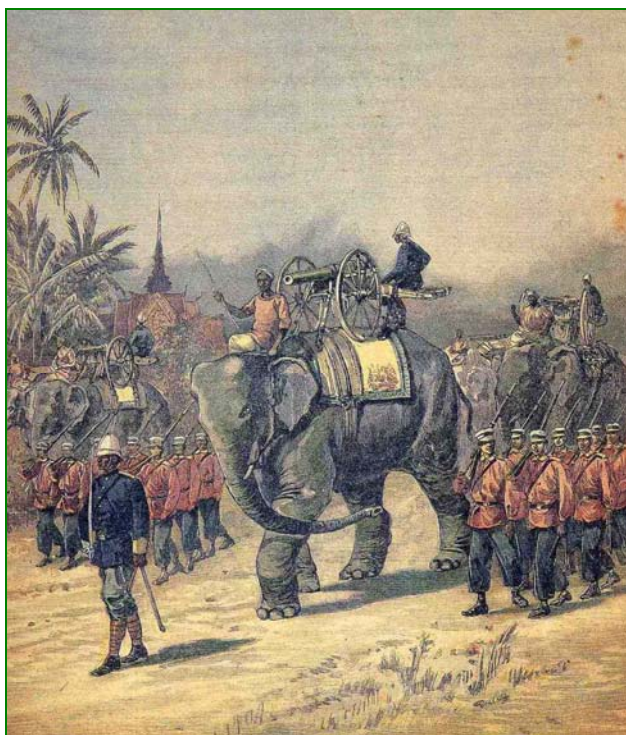


TƯỢNG BINH và CHIẾN THẮNG KỶ DẬU

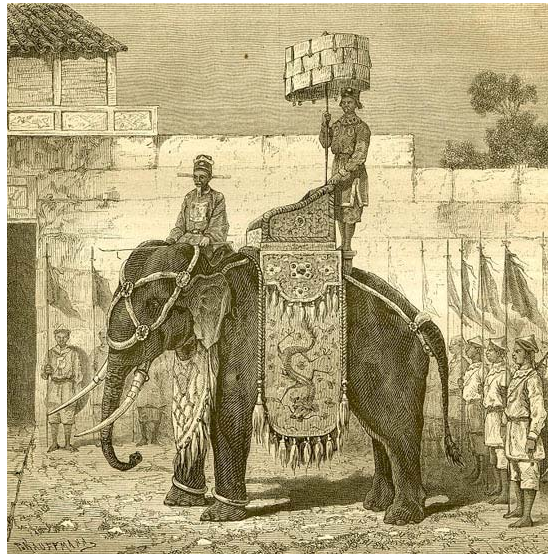
Nguyễn Duy Chính



LỜI MỞ ĐẦU

Con voi là một động vật khá quen thuộc với chúng ta, xuất hiện trong tranh ảnh, điêu khắc, ca dao, tục ngữ, câu vè, bài hát mà dường như không mấy ai không biết. Nguyên thủy, voi được nuôi như một gia súc, dùng trong việc chuyên chở và di chuyển. Có thể nói trong khi ngựa là phương tiện di chuyển mang ưu thắng cho những dân tộc vùng sa mạc thì voi lại còn đa dụng hơn đối với những quốc gia Nam Á. Voi không những được dùng trong những công tác nặng nề như xây cất, vận tải mà còn được sử dụng như một phương tiện di chuyển trong rừng sâu. Với số lượng phong phú và dễ dàng săn bắt tại rừng già, voi đã hiện diện trong lịch sử các quốc gia Đông Nam Á từ thời thượng cổ. Núi rừng Tây Nguyên nổi tiếng lắm voi nên Ai Lao đã một thời mang tên nước là Vạn Tượng.

Cho tới ngày nay, công tác huấn luyện voi để thành một loại gia súc vẫn còn khá phổ biến từ Ấn Độ đến vùng Đông Nam Á mặc dù vì bị săn bắt nhiều để lấy ngà nên giống vật hiền lành này đang trên đà diệt chủng. Muốn thuần hóa một con voi, người ta mất vài ba năm với những phương pháp ráo riết và công phu đòi hỏi một trình tự gắt gao và nguy hiểm nên việc xây dựng một đội tượng binh cần thời gian và những người huấn luyện có chuyên môn.¹ Riêng trong bài này chúng tôi nhấn mạnh vào vai trò của con voi trong công tác chiến đấu, nhất là đóng góp của tượng binh trong trận đánh mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789).



Hình 1
Voi chiến triều Nguyễn

¹ Hiện nay những dân tộc thiểu số ở cao nguyên Trung Phần Việt Nam vẫn rất chuyên nghiệp trong việc săn bắt và thuần hóa voi, hàng năm thường có những cuộc diễn hành và biểu diễn trong những dịp khánh tiết. (John R. Jones, *Vietnam Now*, Aston Publications, 1989 tr. 94)

TỔNG QUÁT

Voi Á Châu

Trên thế giới ngày nay, số lượng voi Á Châu chỉ còn rất ít, chủ yếu là vùng Đông Nam Á, nhưng số lượng chỉ khoảng 1/10 số voi còn ở Phi Châu. Theo thống kê của National Elephant Institute of Thailand thì cách đây hơn 2 thế kỷ (1782), Thái Lan có khoảng 200,000 con voi rừng, đầu thế kỷ XX (1900) chỉ còn 100,000 nhưng đến 2002 thì chưa đầy 2000 con. Voi ở Indonesia, Miến Điện cũng ngày càng hiếm dần. Ở nước ta thì chỉ còn rất ít.

Quốc gia	Số lượng²
<i>Ấn Độ (số liệu 2002)</i>	24, 270 (con)
<i>Sri Lanka</i>	3,160 – 4,405
<i>Nepal</i>	41 - 60
<i>Bhutan</i>	60 - 100
<i>Bangladesh</i>	195 - 239
<i>Miến Điện</i>	4,639 - 5000
<i>Thái Lan</i>	1,300 – 2,000
<i>Campuchia</i>	200 - 500
<i>Lào</i>	950 – 1,300
<i>Việt Nam</i>	109 - 144
<i>Mã Lai Á</i>	800 – 1,200
<i>Indonesia - Sumatra</i>	2,800 – 4,800
<i>Indonesia - Borneo</i>	1,000 – 1,500

Voi thích tắm, bơi lội giỏi và tuy to lớn nhưng lại có thể bơi liên tục 30 km không cần nghỉ vì có thể đưa vòi lên khỏi mặt nước để thở một cách dễ dàng. Voi sống thành đàn trong thiên nhiên, mỗi đàn khoảng 20 con. Voi cái chia nhau chăm sóc các voi con và thường chọn một con khỏe mạnh nhất làm đầu đàn. Trung bình voi có thể sống khoảng 60 tuổi và voi cái khoảng 20 tuổi mới bắt đầu sinh con, mỗi lần mang thai từ 19 đến 22 tháng, cách nhau từ 2 đến bốn năm một lần và một đời voi có thể sinh đến 7 con voi con.

Bảng so sánh voi Á châu và voi Phi Châu

	Voi Á Châu	Voi Phi Châu
--	-------------------	---------------------

² Tài liệu về voi Á Châu của IUCN (IUCN's Species Survival Commission's Asian Elephant Specialist Group) trích trong "Voi Á Châu" *Kinh Điển tạp chí*, Đài Loan, tháng 7, 2002 tr. 39

<i>Tên khoa học</i>	Elephas maximus	Loxodonta africana
<i>Trọng lượng</i>	3 – 5 tấn	4 – 7 tấn
<i>Chiều cao</i>	1.8 – 3 mét	3 – 4 mét
<i>Ngoài da</i>	Tương đối nhẵn, màu nhạt	Da nhiều vết nhăn, màu đậm
<i>Xương sườn</i>	20 đôi	21 đôi
<i>Tai</i>	Nhỏ	Lớn (gấp 3 voi Á châu)
<i>Xương sống</i>	Thẳng hay giữa hơi cong lên	Giữa lõm xuống
<i>Ngà</i>	Voi đực có ngà dài, voi cái ngà nhỏ, ít khi dài quá môi	Cả hai giống đều có ngà, voi đực dài hơn
<i>Đầu vòi</i>	Một chĩa	Hai chĩa
<i>Đồ ăn</i>	Cỏ là chính yếu	Lá cây là chính yếu
<i>Số lượng còn tồn tại</i>	35,000 – 50,000	300,000 – 600,000

Voi đực thường thường sống một mình, khi độ 14 tuổi thì rời đàn ra ở riêng nhưng phải đến 17 tuổi mới phát dục, khi cần giao phối thì quay trở lại đàn, mỗi năm có từ vài tuần đến vài tháng trở nên hung dữ.

Voi mắt kém, chỉ trông được chừng 10 mét nhưng lại có tài đánh hơi, có thể ngửi được mùi ở xa vài cây số. Khi voi rống lên, tiếng vang có thể truyền xa đến 5 km để con đực và con cái tìm đến nhau. Voi trưởng thành trung bình một ngày phải ăn khoảng 100 đến 150 kg thực vật, uống từ 80 đến 160 lít nước nhưng bộ máy tiêu hoá kém nên chỉ hấp thu được khoảng 40% số lượng đồ ăn.

Con Voi Trong Văn Minh Nam Á

Nghiên cứu về văn minh Nam Á ai ai cũng thấy voi đóng một vai trò khá quan trọng trong đời sống và tôn giáo. Voi hiện diện trong nghệ thuật, thương mại và cả chính trị nữa. Không như voi Phi Châu hung dữ và khó thuần hóa (domesticated), voi Á Châu hiền lành và thân thiện hơn, lại rất trung thành với chủ. Trong những di chỉ có hàng ngàn năm trước T.L. đã thấy những hình tượng về voi. Nhiều quốc gia có tục lệ thờ voi trắng như một biểu tượng linh thiêng và dấu hiệu của phú cường. Ở nước ta thì trang trí trên các dụng cụ đời Đông Sơn đã thấy có hình voi nhưng có lẽ thời kỳ đó voi chỉ mới là một dã thú mà cổ nhân trông thấy nên ghi lại chứ chưa được thuần hóa để thành một sinh vật gần gũi với đời sống con người.³

Đặc biệt nhất, các dân tộc Đông Nam Á tin rằng nếu bắt được voi trắng (thực ra không phải voi trắng mà chỉ là màu nhạt hơn, loang lổ – pale reddish-brown color) thì coi như dấu hiệu của một thời kỳ thanh bình, thịnh trị. Voi trắng có lông trắng trên lưng, mắt

³ Lịch sử nước ta cũng có đề cập đến nhiều danh nhân cưới voi như Hai Bà Trưng, Bà Triệu ... nhưng những người này đều có gốc tích phát xuất từ vùng trung và thượng du, khu vực của người Việt cổ (Mường) chứ không phải dân vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

màu vàng nhạt và cũng hiền hơn voi thường. Người Thái Lan gọi voi trắng là Chang Pheuk nghĩa là voi bạch tạng (albino elephant). Voi trắng chỉ để tượng trưng vì không dùng vào việc gì cả mặc dầu đôi khi vua chúa cũng cưỡi để chứng tỏ uy quyền hoàng gia. Đã có nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu giữa Xiêm La và Miến Điện chỉ vì tranh giành voi trắng.⁴

Phật giáo cũng có nhiều liên hệ đến voi. Phổ Hiền bồ tát (Samantabhadra) cưỡi voi trắng sáu ngà tượng trưng cho trí huệ chiến thắng sáu giác quan. Người Ấn Độ còn nhân cách hóa con voi trong hình ảnh một vị thần đầu voi mình người (Ganesha) tượng trưng cho may mắn, không ngoan, kiên nhẫn được thờ như một kiểu Thần Tài nơi các tiệm buôn và ngân hàng. Ngoài ra, thần đầu voi mình người cũng tượng trưng cho *tiểu ngã* (Small Being) hợp nhất với *đại ngã* (Cosmic Being).⁵

Voi cũng tượng trưng cho sức mạnh và uy quyền của vương triều (symbol of royal power and domination). Thần Siva, chủ tể của vũ trụ và thiện tính đối nghịch với sự ác cũng là hình tượng của voi.⁶ Vì voi là con vật khôn nhất trong các loài thú nên theo truyền thuyết, Phật Thích Ca khi nhập vào trong bụng mẫu hậu Sirimahamaya qua hình dáng một con bạch tượng, ám chỉ ngài là một bậc hiền giả giáng sinh. Tính chất thiêng liêng của con vật to lớn này đã trở thành một thứ tín ngưỡng của các dân tộc Đông Nam Á và nhiều lễ nghi, cúng tế còn tồn tại dưới triều Nguyễn do chính triều đình chủ trương và đài thọ.⁷

Chúng ta có thể tìm thấy hình voi trên khắp các đền đài và tranh ảnh ở Nam Á, linh thiêng cũng có mà trang trí cũng có. Người Java thì thờ thần đầu voi Ganesha là thần học hành, rất phổ biến trong các điêu tượng của họ⁸. Trong nhiều phù điêu (relief carvings) của người Chân Lạp (Cambodia) miêu tả lại các trận đánh đều thấy chủ tướng cưỡi voi chung với quân lính đi bộ, cưỡi ngựa và đi thuyền.⁹

Tuy nhiên trong quân sự voi lại có một vai trò đặc biệt hơn và cũng đóng góp rất nhiều vào những biến chuyển chính trị thời Trung Cổ. Mặc dầu nhiều vua chúa và danh tướng Âu châu đã dùng voi trong chiến trận, nhưng voi không phải là một binh lực

⁴ Voi trắng được phân loại tùy theo mức độ đậm nhạt, nhiều ít. Hạng quý nhất “có mắt màu hồng hay vàng, da nâu đỏ nhạt, vành tai và đầu vòi màu trắng, móng chân trắng và lông màu đỏ” (pink and yellow eyes, a light reddish-brown skin, white at the edge of the ears and at the top of the trunk, white toenails and red hair) Chandin Flood, *The Dynastic Chronicles Bangkok Era The First Reign* (Volume Two: Annotations and Commentary) (Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1990) tr. 57

⁵ Alain Daniélou, *The Gods of India – Hindu Polytheism* (New York: Inner Traditions Internationals, Ltd. 1985) tr. 293

⁶ Alain Daniélou, sđd tr. 283

⁷ Alexander B. Woodside, *Vietnam and the Chinese Model* (Mass: Harvard University Press, 1971) tr. 25

⁸ Hugo Munsterberg, *Art of India and Southeast Asia* (New York: Harry N. Abrams, Inc., 1970) tr. 208

⁹ Hugo Munsterberg, sđd tr. 245-6

thường xuyên và chủ yếu như những quốc gia trong vùng Nam và Đông Nam Á. Voi vừa có uy thế vì thân hình to lớn của con vật, lại hữu hiệu trong việc điều khiển để biến chúng thành những chiến xa uy hiếp kỵ binh. Nhiều thời đại voi còn được trang bị giáp trụ và điều động theo đội hình hay biểu diễn cho công chúng. Các phái đoàn thương nhân Âu Châu từng chứng kiến những cuộc tranh tài giữa voi và hổ ở Xiêm La, Java, và Việt Nam và những đoàn voi hàng trăm con của nhiều vương quốc đã làm kinh ngạc sứ thần nhiều nước.¹⁰

¹⁰ Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680* (Yale University Press: 1988 V. 1) tr. 183-5

TƯỢNG BINH

Cứ theo sử sách thì có lẽ tượng binh phát xuất từ Ấn Độ. Trong kinh Phật đã có đề cập đến vua Bimbisara của xứ Magadha có một đội voi lớn và hữu hiệu trong chiến đấu, được huấn luyện cẩn thận thường được đưa đi đầu để phá vỡ đội hình của địch, đánh sập các rào cản, cổng thành và các chướng ngại khác. Voi cũng được dùng như lính canh doanh trại và truyền tin khi thắng trận.¹¹ Một đàn voi cũng có thể dùng như một chiếc cầu lưu động để vượt qua khe suối hay sông nông. Voi cũng được che bằng giáp da, ngà chuốt nhọn bịt sắt.

Vào khoảng thế kỷ thứ IV trước Công Nguyên, một vị vua rất dũng mãnh thiện chiến là Chandragupta Maurya đã thành lập được một đế quốc rộng lớn bao phủ gần hết khu vực Ấn Độ và Afghanistan hiện nay, đã tổ chức được một đội quân lớn, trang bị đầy đủ, có khi lên đến 70 vạn quân, 9000 con voi và 10,000 chiến xa.¹² Một người Trung Hoa là Sung Yun đến thăm vương quốc Hunas vào đầu thế kỷ thứ VI có mô tả voi xứ này có buộc gươm vào vòi khi ra trận nhưng chi tiết này không thấy đề cập trong các tài liệu khác.¹³

Đến thế kỷ thứ XI, vương quốc Ghazni của người Đột Quyết (Turks) theo đạo Hồi (nay là Afghanistan) cũng nhiều lần tấn công các thành phố, đền đài của người Ấn. Năm 1186, Muhammad Ghuri tiến đánh Tarain, tuy người Ấn đông hơn nhưng voi của họ không linh động bằng chiến xa của người Turks nên bị đại bại, chết hàng chục vạn người.

Vào giữa thế kỷ thứ XV, đế quốc Vijayanagara ở nam Ấn Độ đã xây những phòng vòm rất lớn, tổng cộng 11 cái để làm chuồng nuôi voi chiến. Nhiều điều tượng hình voi dùng vòi quấn địch quân còn tồn tại đến ngày nay.

Trong lịch sử đã có nhiều chiến công dựa trên tượng binh, điển hình là dưới thời hai vị vua nổi tiếng của Xiêm La là Ram Khamheng và Naresuen.¹⁴ Đối với một số quốc gia, chiến đấu trên đầu voi là một hành vi anh dũng và quý phái (the most noble form of single combat). Theo sử Xiêm La, sau khi vua In'araja (1408-1424) băng hà, hai

¹¹... to proclaim a king's victory in his capital. Sarva Daman Singh, *Ancient Indian Warfare* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1997) tr. 84. Việt Nam cũng dùng voi để truyền loa (gọi tên những người trúng tuyển các kỳ thi)

¹² Lucill Schulberg, *Historic India* (New York: Time-Life Books, 1968) tr. 77

¹³ A.L. Basham, *The Wonder That Was India* (New York: Grove Press, Inc., 1959) tr. 129

¹⁴ Anthony Reid, sđd. tr. 124

người con trai lớn đã thách đấu bằng cách cưỡi voi xông vào nhau và cả hai cùng chết.¹⁵

Tổ chức và huấn luyện

Voi dùng trong chiến đấu cũng khác hẳn những con voi được thuần hoá để dùng trong các đoàn lưu diễn hay trong lễ lạc và cũng không giống như một gia súc mà nhiều dân tộc dùng trong công việc hàng ngày. Nhiều khi người ta chỉ cần so sánh đội tượng binh của một quốc gia cũng đủ đánh giá sức mạnh quân sự của nước ấy và đoàn voi trận thường được dùng như một cách phô trương trong các buổi tiếp sứ thần nước ngoài. Voi trận được tuyển lựa kỹ càng trong các voi đực, ngà dài, to lớn, khoẻ mạnh và trải qua một chương trình huấn luyện chặt chẽ.¹⁶ Quan trọng nhất là làm sao cho voi không bị kinh hoàng khi nghe tiếng súng. Người ta thường dùng voi cái để dụ voi đực hay gây giống với voi rừng ngỗ hầu có voi con đào tạo thành voi chiến.

Chúng ta không biết quân Tây Sơn điều động tượng binh như thế nào nhưng tài liệu của Xiêm La có nói về phương thức của họ. Khác với hình ảnh chúng ta thường hình dung, tướng ra trận không ngồi trên bành voi uy nghi như khi diễu hành mà cưỡi trên cổ voi, mang theo một thanh đao dài có móc, vừa để chiến đấu vừa để điều khiển con vật. Chỉ có ở vị trí đó, viên tướng mới dễ dàng kiểm soát được đội hình của bên mình. Khi cần ra lệnh cho quân lính tiến thoái, người chỉ huy nói hoặc ra dấu cho một kỳ hiệu viên (signaller) ngồi ở trên bành voi (howdah) phía sau, người đó sẽ truyền đạt hiệu lệnh của chủ tướng bằng cách vẫy hai chiếc lông công theo những qui định trước. Bành voi có che những lọng tròn (circular canopies) gọi là chatras – nhiều hay ít tầng tùy theo cấp bậc của chủ tướng. Ngồi sau bành voi gần đuôi voi là người cầm lái (steerer), xua voi đi bằng một cây gậy dài. Khi đã có hoả khí, người cầm lái thường được trang bị thêm một khẩu súng điểu thương đeo sau lưng và một thanh kiếm để tự vệ.¹⁷

Vào thế kỷ XVIII, voi được dùng để làm vật cưỡi cho tướng lãnh thêm uy nghi hay dùng để chuyển chở súng lớn nhưng khi xung trận thì chỉ bắn được súng loại nhỏ như

¹⁵ Chula Charabongse, *Lords of Life – A History of the Kings of Thailand* (revised edition) (London: Alvin Redman, 1967) tr. 29

¹⁶ Vì tỉ lệ voi đực (có ngà) và voi cái (không ngà) chênh lệch rất xa nên việc tìm bắt và huấn luyện để có được một đàn voi chiến rất tốn kém, mất nhiều thời giờ (voi phải mất khoảng 15 năm mới trưởng thành). Vì thế mặc dầu tượng binh có thể đông nhưng chủ yếu là để chuyên chở hay để cưỡi còn voi để dùng trong chiến đấu rất ít. Có thể so sánh voi chiến cũng như gà nòi, kiếm được một con vật đủ tiêu chuẩn để huấn luyện thành chiến tượng không phải dễ. Voi chiến lại chỉ nghe lời một người nên muốn tập cho nó nghe hiểu vài ba thứ tiếng lại càng khó khăn. Nhiều quốc gia có những đàn voi hàng nghìn con nhưng voi chiến chỉ thường vài chục.

¹⁷ Chula Charabongse, sđd tr. 40-1

jingalls¹⁸ hay hoả mai. Năm 1764, Miến Điện đã đem tới 5000 con voi, trên lưng đặt súng để tấn công vào Ayutthaya (Xiêm La sau này) nhưng không thành công.¹⁹ Về phía quân Xiêm trong một đoàn quân mang cả hàng ngàn con voi cũng không phải là chuyện hiếm.²⁰ Sử sách chép về những cuộc chiến giữa các dân tộc vùng Đông Nam Á dường như trận đánh nào cũng có voi, sử dụng như một phương tiện di chuyển và chuyên chở cũng có mà để tấn công cũng có. Tuy nhiên, voi chỉ có thể được huấn luyện vào những mục đích nhất định, không thể vừa để chuyên chở, vừa để chiến đấu như nhiều người lầm tưởng.

Vào thời cổ, trên lưng mỗi con voi trận thường có một đội quân nhỏ dùng các loại vũ khí tầm xa như cung nỏ, lao (javelin), giáo dài để mở rộng tầm sát hại. Người nài voi (hay quản tượng, mahout) dùng móc sắt đánh vào một vết thương ở đầu voi để kích thích cho chúng nổi điên lên khi cần xung phong.²¹ Voi có thể hiểu được tiếng người và ít khi người nài phải dùng đến biện pháp mạnh.

Vào thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, voi được dùng để chở một hay hai khẩu đại bác hay như một pháo đài (gun-platform) di động, do hai hay ba xạ thủ điều khiển súng nhỏ. Archibald Ross Cohquhoun trong *The Truth About Tonkin* xuất bản năm 1884 đã viết rằng quân lính “không bao giờ bắn trên đầu voi mà phải quay đuôi về phía địch trước khi viên đạn nổ ra phía sau” (never fired over the animal’s head, its tails being turned to the enemy before the piece was discharged from its back)²².



Hình 2

¹⁸ Súng thần công loại nhỏ

¹⁹ Ping Amranand, sđd tr. 58

²⁰ Ian Heath, *Armies of the Nineteenth Century: Asia* (V. 4 – Burma and Indo-China) 2003 tr. 144

²¹ É. Hocquard, *War and Peace in Hanoi and Tonkin* (Bangkok: White Lotus Co. Ltd., 1999) tr. 161 ... *The mahout rides as if on horseback on the neck of the elephant; his feet hanging between the ear and the shoulder of the animal. In his hand he holds a pointed hook armed with a short hatchet. In the middle of its forehead the elephant has a small wound the size of a one franc piece which has been made deliberately, and which they prevent from closing up. The mahout directs his animal by touching the wound with the point of his hook ...*

²² trích lại theo Ian Heath, sđd. tr. 144

Voi chiến của Xiêm La

Mỗi con voi thường phải kèm theo khoảng hai mươi quân sĩ, ngoài bốn người ngồi trên lưng còn thêm bốn người canh mỗi chân để hộ vệ (tổng cộng 16 binh sĩ vây quanh voi). Lính bảo vệ dùng giáo, cung, đại phủ, côn, chùy, câu liêm, thiết tạt lê, kiếm ... chạy tới chạy lui để ngăn địch.²³

Trong chiến tranh cổ điển, con voi được miêu tả như một hệ thống vũ khí toàn năng (complete weapon system), vừa là một pháo đài di động phòng thủ, lại cũng là một giàn phóng hỏa tiễn với hỏa khí dùng để tấn công. Từ ngà voi, chân voi, vòi voi chỗ nào cũng có thể dùng làm vũ khí và tạo kinh hoàng cho đối phương. Theo John Steward thì vì chúng ta chưa từng đối diện với cái chết trên chiến trường nên không hình dung được nỗi kinh hoàng khi bị một con vật khổng lồ vừa đuổi theo, vừa kêu rống. Con voi có thể sử dụng cả vòi, chân, ngà làm vũ khí và còn có thể cuốn lấy nạn nhân rồi đưa lên cho quân tượng tùy nghi xử trí. Việc này thường được thực hiện khi hành quyết tội nhân, nô lệ hay tù binh.²⁴

Theo D. von Strautz trong *The Annamese Army in 1885* và *The Siamese Army in 1885* (*Journal of the United Services Institution of India XVI*, 1885) thì chủ yếu voi được dùng để húc vào cửa thành và một khi đã phá được rồi thì rất hung hãn, “*điên cuồng rượt theo quân trú đóng, dùng vòi cuốn lấy địch tung lên không, rồi đập cho chết khi rơi xuống đất*”²⁵.

Những con voi trận có khi còn được mặc giáp bằng da hay kim loại và theo Maurice Collis, một người chuyên môn huấn luyện voi, thì “... đây là những con vật được đào tạo để theo lệnh lạc một cách hung dữ, sử dụng như một mũi xung kích trong chiến đấu và cũng là một sát thủ giết người bằng cách tung lên, dày đập, xé nát (đối phương) hồn nhiên như trẻ thơ”²⁶. Hiện nay tại Tower of London còn trưng bày một bộ giáp cho voi do quân Anh bắt được trong trận đánh Plassey năm 1757.

Tuy nhiên voi không phải chỉ được dùng như một mãnh thú để giết địch thủ mà còn được điều động trong những công tác chiến thuật như xua đuổi kỵ binh của địch và thường khi voi xuất hiện thì mùi của nó cũng đã đủ khiến cho ngựa lồng lên. Voi cũng được xua lên để làm tan rã đối phương khiến cho đội hình tấn công không còn thực hiện được.

²³ Sarva Daman Singh, sđd tr. 83

²⁴ John Steward, “The Elephant in War”, *MHQ* (V. 3, N. 3, Spring 1991) tr. 60

²⁵ Ian Heath, sđd tr. 144

²⁶ Ping Amranand và William Warren, *The Elephant in Thai Life & Legend* (Bangkok: Monsoon Editions Ltd, 1998) tr. 58 ... *an animal trained to be obediently ferocious, in battle to wield a mighty sword, and, as an executioner, to kill men by tossing, trampling, and rending them. Such monsters relished a bran mash flavored with babies ...*

Đội hình tượng binh nguyên thuỷ xuất phát từ Ấn Độ, được áp dụng tại nhiều quốc gia khác, miêu tả trong tác phẩm *Hindu Manners, Customs, and Ceremonies* của Abbe J.A. Dubois viết hồi đầu thế kỷ XIX như sau:

*Hàng đầu tiên trong đội hình tấn công là voi. Những con vật đó mang bành (castle hay howdahs) trên lưng, trong đó chứa vài chiến sĩ cầm lao (javelins) dài. Nhưng chúng ta không nên tưởng lầm rằng những cái bành này to lớn như một số bức hoạ đã tưởng tượng. Giống như ngày nay vẫn còn thấy trong quân đội của một số tiểu vương Á Đông, những cái bành hay howdahs này giống như một cái hộp không có nắp dài và to bằng cái giường, đặt ngang trên lưng, chứa nổi sáu, bảy cung thủ nếu ngồi theo kiểu Á châu (ngồi xổm). Mặc dầu con voi rất khoẻ, có thể mang được hai khẩu thần công và các pháo thủ nhưng dẫu sao nó cũng có giới hạn và nếu chất lên lưng nó một số đông người thì quả là một gánh nặng và đến voi cũng không chịu nổi.*²⁷

Van Vliet, người đứng đầu Công Ty Đông Ấn Hoà Lan (Dutch East India Company) đã viết về một ngày lễ của Xiêm La trong *Decsription of the Kingdom of Siam* (Leyden, 1692) miêu tả hoàng gia đi dâng lễ vật cho chư tăng trong đó có cả đoàn tượng binh như sau:

... Đầu tiên là đoàn voi chừng 80 đến 100 con được trang điểm rất lộng lẫy theo thứ tự đi từ hoàng cung qua ngôi đền chính có tên là Nappetat (Na Brah Dhatu). Trên mỗi con voi ngoài hai người được trang bị khí giới là một ông quan ngồi trong một chiếc nhà nhỏ thép vàng, đằng trước để một cái chậu vàng đựng quần áo và tặng phẩm cho các tu sĩ.

Kế đó là 50 đến 60 voi nữa, trên lưng voi ngồi 2 hay 3 người trang bị bằng cung tên. Sau đoàn voi, cũng ngồi trên lưng voi là 5, 6 người uy quyền nhất của vương quốc, có mấy người đội vương miện bằng vàng, tay cầm hộp trầu bằng vàng hay bạc hoặc những vật phẩm danh dự là món quà được nhà vua ban cho. Mỗi người trong bọn có chừng 30 đến 60 tùy tùng đi đất.

Theo sau họ là một đoàn quân khoảng chừng 800 đến 1000 người cầm giáo, đao, cung tên hay súng điểu thương với rất nhiều cờ xí. Lẫn trong đoàn vệ binh này có chừng 70, 80 người Nhật ăn mặc rất hùng tráng và cầm những vũ khí tuyệt hảo. Đi sau quân lính là đoàn nhạc công chơi kèn, sáo, trống, tù và ..., âm thanh của những nhạc khí này hoà điệu rất du dương.

Đoàn ngựa và voi của nhà vua được trang điểm rất rực rỡ bằng vàng, đá quý theo sau là đoàn thị thần mang các loại trái cây và các tặng phẩm cung hiến.

²⁷ Ping Amranand, sđd tr. 62

Rất đông các quan đi theo sau những thị thần này. Kế đến là giới quý tộc, đi bộ, tay khoan lại, người khom xuống (tất cả những ai đi trước nhà vua – dù cưỡi voi hay đi bộ – đều phải như thế), trong số đó có những người đội vương miện.

Đi theo sau là con voi đỏ (?) trang điểm rất đẹp bằng vàng và đá quý. Sau con voi là hai người rất uy thế, một người cầm thanh kiếm của hoàng gia (royal sword) và người kia cầm vương hiệu (golden standard), trên có cắm một lá cờ.

Một chiếc ngai vàng được phu khiêng trên vai để cho thấy các bậc tiên vương du hành bằng kiệu như thế nào, rồi sau đó mới đến hoàng thượng mặc vương phục, đội vương miện hình tháp ngồi trên lưng voi. Đi chung quanh ông ta có rất nhiều quý tộc và triều thần. Sau nhà vua là hoàng tử, người con chính thức của hoàng đế, khi đó mới 11 tuổi.

Em trai vua, người kế vị gần nhất của hoàng gia, ngồi trong một căn nhà kín trên lưng voi cũng rất rực rỡ đi kế tiếp, theo sau là hoàng thái hậu, hoàng hậu, các hoàng tử, công chúa và phi tần của nhà vua.

Sau cùng là các quan và những nhân vật quan trọng trên lưng ngựa, rồi khoảng 300, 400 binh sĩ chấm dứt đoàn diễu hành. Cả đoàn tổng cộng phải đến 6000, 7000 người ...²⁸

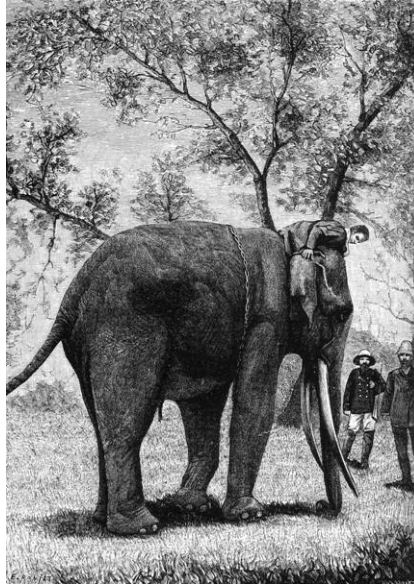
Nhược điểm của tượng binh

Mặc dầu voi đóng một vai trò khá quan trọng trong tổ chức binh bị của các quốc gia Đông Nam Á, vừa như một chiến xa xung kích lại như một pháo đài di động và quân xa vận tải, nhưng không phải không có những nhược điểm. Không như các loài gia súc, voi vẫn mang một số đặc tính của loài thú hoang đầu được sinh ra sau khi voi mẹ bị bắt và không bao giờ có thể thuần hoá hoàn toàn. Dù cho con vật có ngoan ngoãn nghe lời nhưng ngược lại người nuôi voi cũng phải hoàn tất một số bốn phận kể cả cho ăn, cho nghỉ, tắm rửa hàng ngày ... nếu không voi sẽ nổi khùng lên và có thể quay lại giết chủ. Đó là một số trường hợp đã xảy ra trong các gánh xiếc và nhiều khi phản ứng đó không xảy ra ngay tức thì mà được lưu giữ trong “bộ nhớ” để sau này voi trả thù khi có dịp. Chính vì thế việc nuôi voi không dễ như ta tưởng và nhiều hành vi bất thường của con voi có thể do một nguyên nhân xa xôi trong quá khứ.

Ian Heath liệt kê một số vấn đề mà người chỉ huy phải quan tâm:²⁹

²⁸ H. G. Quaritch Wales, *Siamese State Ceremonies: Their History and Function* (London: Bernard Quaritch, Ltd., 1931) tr. 206-7

²⁹ Ian Heath, sđd tr. 28-30



Hình 3
Voi tại tỉnh đầu thời Pháp thuộc

- Thứ nhất, voi di chuyển tương đối chậm, tốc độ đường núi khoảng 1.5 đến 2 dặm (2.4 – 3.2 km), đường bằng phẳng có thể lên đến 3 dặm (5 km) một giờ. Voi nếu chở một lượng trung bình thì di chuyển trong khoảng 18 – 25 dặm (29 – 40 km) một ngày là tối đa. Tuy nhiên, với khoảng cách đó voi sẽ không đi được lâu ngày vì đau chân và vì thể voi trện nếu cần di chuyển đường trường thì không thể đi nhiều hơn 10 – 12 dặm (16 – 19 km) một ngày. Voi tuy khỏe nhưng cũng chỉ chở được khoảng từ 300 đến 400 lbs (135-180kg) và phải xếp làm sao cho thật cân thì mới đi được xa. Nếu đi liên tục trong nửa tháng, voi phải được nghỉ 1, 2 ngày mới lại sức.
- Thứ hai, voi phải được ăn uống đầy đủ. Chiến tranh thường vào mùa khô nên hay thiếu cỏ, thiếu lá cho con vật. Một con voi cần khoảng 120 đến 150 kg thức ăn mỗi ngày chủ yếu là cỏ, lá, rễ cây Voi không chịu được đói khát, dễ bị kiệt sức nếu bị ép làm việc nhiều và mỗi ngày phải có ít nhất vài giờ thong dong để tìm thức ăn. Voi phải sống gần nơi có nước và vì da có lỗ chân lông và tuyến mồ hôi nên uống rất nhiều. Voi cũng phải tắm hàng ngày vào buổi sáng.
- Thứ ba, voi rất nhạy cảm, sợ tiếng động nên voi trện phải tập luyện để làm quen với súng ống mặc dầu không ai dám bảo đảm là voi sẽ tuyệt đối tuân lệnh khi lâm trận. Vai trò của nài voi (quản tượng) rất quan trọng vì voi chỉ

tuân theo lệnh của y và nếu nài bị thương hay chết thì rất khó điều khiển.³⁰ Việc để trên lưng voi một khối lượng lớn cũng rất bất ổn khi di chuyển trên những con đường gập ghềnh.

- Thứ tư, da voi tuy dày nhưng lại rất sợ các loài sâu bọ, ruồi muỗi, bị thương cũng khó chữa vì sâu sùi. Chân voi không thể đóng móng như móng ngựa và chỉ là một lớp da mềm, dễ bị gai góc làm cho bị thương. Voi không thích những con vật khác như ngựa, lừa đến gần (nhất là từ phía sau) nên người ta thường không điều động kỵ binh và tượng binh trên cùng một đợt tiến quân. Theo kinh nghiệm của người Hoà Lan thì voi và ngựa rất kỵ nhau. Ngoài ra voi lại sợ tiếng lợn (heo) kêu và thường hoảng sợ khi nghe lợn eng éc nên có nơi đã dùng lợn để chống với voi.

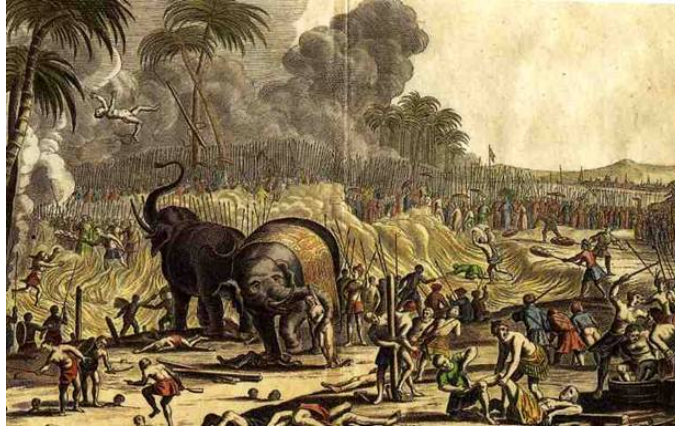
Tượng binh thường chỉ có hiệu quả lúc đầu khi quân địch bị hoảng hốt vì chưa bao giờ phải đối phó với một con vật to lớn và hung dữ như thế. Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn người ta đã có thể chế ngự được con vật bằng nhiều cách, dễ dàng nhất là dùng lửa đốt và khi một hay hai con bị thương, tiếng rống của nó có thể làm cho cả bầy voi hoảng sợ và nếu không khéo trấn áp, toàn thể đội binh sẽ kinh hoàng quay đầu lại, hất văng quân tượng xuống rồi giày xéo chính quân mình.³¹ Người Ấn Độ thiện dụng voi trong chiến đấu cũng lại tìm ra những phương thức chế ngự tượng binh một cách hiệu quả. Đó là dùng búa (axes) để cắt gân, phỉ (scythes) để chặt chân, liềm (sickles) để cắt vòi voi. Ngoài ra lửa là cách dễ dàng nhất để ngăn voi một cách hiệu quả. Khi dùng chiến xa, họ thường dùng các loại hoả cầu chứa lưu huỳnh trong khi bộ binh thì dùng lao, đầu quần bông tẩm nhựa hay dầu.³²

³⁰ nài thường là người Cao Miên, Chăm, Lào, Thượng đã chăn voi từ lâu nên biết cách ra lệnh cho con vật. Người Việt ít ai học được cách huấn luyện voi nên chỉ huy tượng binh chủ yếu là người Thượng hay người Chăm.

³¹ A. L. Basham, sdd tr. 129

³² *The Indians devised a panoply of weapons with which to fight elephants: axes to split tendons, scythes to splash legs, sickles to sever trunks. It was found, however, that fire was the simplest and most effective way to counter an elephant charge. Charioteers often used such incendiary devices as flaming balls of sulphur, while foot soldiers would throw javelins that were capped with burning wads of cotton steeped in tar and oil.* John Steward, "The Elephant in War" MHQ, V. 3 N. 3 Spring 1991 tr. 61

VOI TRONG CHIẾN DỊCH VIỆT THANH



Hình 5
Voi Nam Á trong chiến đấu

Voi trong lịch sử

Theo sử sách voi đã được nhắc đến khi ra trận ngay từ những thế kỷ đầu tiên của Công Nguyên. Hai Bà Trưng, Bà Triệu đều cưỡi voi đánh giặc. Thực hư những chuyện đó ra sao không ai rõ nhưng trong truyền thuyết của dân ta không ai không biết, nghe đến câu “*Đầu Voi Phất Ngọn Cờ Vàng*” thì ai cũng hiểu là nhắc đến nữ tướng Triệu Thị Trinh. Đời Trần, đời Lê nước ta cũng hay dùng voi trong chiến trận tuy không qui mô như các quốc gia khác.

Cũng như con ngựa của người dân du mục ở sa mạc, con lạc đà của vùng Trung Đông, khu vực Nam Á coi voi như phương tiện chính. Nếu biết rằng trong khi nhiều dân tộc khác đã sử dụng voi như một loại chiến xa từ lâu thì người Việt chúng ta hầu như chưa đạt tới trình độ đó. Tuy nhắc đến voi trong trận mạc nhưng phần lớn chỉ coi đó như một “*con ngựa lớn*” để chủ tướng cưỡi cho thêm uy nghi và có được một vị thế cao để chỉ huy chứ không nghe nói chúng ta sử dụng tượng binh để đánh những trận lớn, ngoại trừ một lần duy nhất là nhà Trần dùng voi ngăn quân Nguyên từ Vân Nam tiến xuống nhưng không thành công.³³

³³ David Nicolle, *The Mongol Warlords* (London: Brockhampton Press, 1998) tr. 58-9



Hình 6
Bà Triệu (tranh dân gian Việt Nam)

Điều đó khiến chúng ta nghi rằng người Việt không đi xa hơn việc luyện voi để cưỡi và chưa biết sử dụng voi thành một đạo quân với những công năng riêng biệt như các dân tộc khác. Chỉ đến khi nước ta có những giao lưu văn hoá sâu xa hơn, lãnh thổ nước ta bành trướng đến vùng Bình Định, Phú Yên (đời Lê) thì việc dùng voi mới trở nên thông dụng. Tuy vậy người Việt không biết cách huấn luyện nên các vua chúa thường phải mua của lân bang hay đòi thuộc quốc tiến cống. Có lẽ vì thế mà khi nhà Tây Sơn dùng voi để tấn công, quân nhà Nguyễn, nhà Trịnh cho chí quân Thanh vì chưa bao giờ gặp nên hoảng hốt và tan rã rất nhanh.³⁴ Giáo sĩ Cristophoro Borri đã viết như sau:

Có rất nhiều voi trong xứ Đàng Trong, nhưng họ không dùng được vì chưa biết cách bắt và huấn luyện. Vì thế phải đưa những con đã thuần thục và biết khuôn phép từ Campuchia là một nước láng giềng. Voi ở đây lớn gấp hai voi ở Ấn độ. Chân và vết chân nó để lại đo chừng một piê rưỡi đường kính. Răng thò ra từ miệng gọi là ngà voi thì thường dài tới mười bốn piê, đó là voi đực. Còn voi cái

³⁴ Các sử gia Việt Nam miêu tả tượng binh nhà Tây Sơn cũng rất mơ hồ, không nêu lên được những đặc tính tiêu biểu mà chỉ giống như một đàn trâu, đàn ngựa được lừa đi trước. Chỉ đến đời Nguyễn nước ta mới có tượng binh đúng nghĩa nhưng chẳng bao lâu vì kỹ thuật vũ khí mới khiến cho voi không còn hữu hiệu nên chỉ còn được dùng làm cảnh, xuất hiện trong những buổi lễ, thi cử và nuôi lễ tế ở mỗi tỉnh một cách tượng trưng.

*thì ngắn hơn nhiều. Vì thế người ta dễ nhận thấy voi ở xứ Đàng Trong to lớn hơn những voi người ta vẫn dẫn đi diễu ở Âu châu: ngà chưa được hai piê rưỡi.*³⁵

Vào thế kỷ XVII, XVIII khu vực rừng núi bao gồm miền bắc Campuchia, Nam Lào và miền trung nước ta còn nhiều loại voi lớn không như giống voi cỏ là loại voi nhỏ hiện nay ta thường thấy.³⁶ Chính đó là những con voi được huấn luyện dùng trong tượng binh mà người ta miêu tả là mang cả đại bác.

*Khi có chiến tranh và trận mạc thì người ta nhấc mui (trên) bành đi để thành một thứ chòi chở lính giao chiến với nỏ, với súng và có khi với khẩu đại bác: voi không thiếu sức để mang nổi và là con vật rất khoẻ, nếu không có gì khác. Chính tôi (tức giáo sĩ Borri) đã thấy một con dùng vòi chuyên chở những vật rất nặng, một con khác chuyển một khẩu súng lớn và một con nữa một mình kéo tới mười chiếc thuyền, chiếc nọ theo sau chiếc kia, giữa đôi ngà một cách rất khéo và đưa xuống biển ...*³⁷

Từ thế kỷ XVI, khi chúa Nguyễn Hoàng lập nghiệp ở phương nam ông đã lưu tâm tới việc thành lập tượng binh, có lẽ học từ các dân tộc lân cận. Các chúa kế nghiệp cũng có tượng binh (kinh tượng) nhưng thường chỉ vài mươi con, không nhiều như Xiêm La, Miến Điện, Chân Lạp hay Lão Qua. Theo giáo sĩ J. Koffler trong *Description historique de la Cochinchine* thì:

... nhà vua nuôi đến 50 con voi trận ở trong triều và mấy trấn gần Bắc Hà. Khi có trận mạc nhà vua ngự đi đánh, còn thì các thế tử, hoàng tộc, quan văn, võ và các quan Trấn thủ dùng.

Hai ba con voi ngự dụng thì dậy biết quỳ xuống để nhà vua lên một cách dễ dàng. Trên lưng voi có bành, buộc chặt xuống bụng bằng những giây da. Bành khá cao và khá rộng, người cưỡi voi có thể ngồi sắp (xếp) bằng ung dung.

³⁵ Cristophoro Borri, *Tường Trình về Khu Truyền Giáo Đàng Trong 1631* (USA: Thăng Long, không đề năm) tr. 24

³⁶ Donald F. Lach, *Asia in the Making of Europe* (V. III – Book 3, Southeast Asia) (The University of Chicago Press 1993) tr. 1260. hình ảnh con voi mà họa viên William Alexander trong phái bộ Macartney ghé ngang Cửa Hàn năm 1793 (Touron hay Tourane) với người quả tượng bé tí teo nằm trên đầu con vật cho thấy thời kỳ đó con vật nhà Tây Sơn dùng trong chiến tranh lớn hơn các loại voi hiện nay. (Xem “Hoạ Cảnh về Người và Xứ Quảng Nam dưới thời Tây Sơn”, Phan Lang, *Việt Báo Kinh Tế* số Tết Canh Thìn 2000, Cali. USA trang 47). Voi Á châu cao tới 3 thước, nặng từ 3 đến 4 tấn (3-4000 kg), sống thành đàn. Voi Xiêm La (tức cùng giống dùng trong tượng binh Đàng Trong) to nổi tiếng và nhiều cái tên còn lưu lại trong các đoàn xiếc và phim ảnh Tây phương hồi đầu thế kỷ XX như Queenie, Happy, Sally, Ziggy ... (Martin Hintz, *Tons of Fun Training Elephants*, 1982 tr. 30). Những giống voi lớn nhất thường tìm thấy ở Lào và Bắc Thái mà người ta miêu tả là cao đến 12-3 feet (gần 4 thước), có lẽ là voi mà người Âu Châu thấy ở Đàng Trong thời Tây Sơn.

³⁷ Cristophoro Borri, sđd tr. 26

Bành voi của nhà vua bằng vàng, còn các bành voi khác đều sơn thép rất mỹ lệ.

Các voi khác khi cưỡi phải dùng những thang nhỏ độ 6 hay 8 bậc để trèo lên.³⁸

Tượng Binh Thời Tây Sơn

Theo nghiên cứu của Vũ Minh Giang thì Nguyễn Nhạc có một người vợ lẽ gốc Bahnar, rất giỏi về huấn luyện và thuần hóa voi rừng.³⁹ Chính vua Minh Mệnh cũng phải công nhận rằng chiến thắng của nhà Tây Sơn chính là nhờ ở tượng binh.

... Voi vùng Cam Lộ rất dễ dạy và thông minh, hơn hẳn voi của người Cao Miên và người Xiêm. Tuy nhiên, trong công tác tiêu trừ giặc cỏ, chúng ta nên dùng giống voi nhỏ ... Ngụy Tây Sơn đã dùng voi một cách qui mô trong các trận đánh với quân Bắc. Ngựa Bắc sợ voi, khi gặp voi đều phục xuống. Chính thế mà họ mới thua.⁴⁰

Tôn Sĩ Nghị⁴¹ cũng biết tiếng voi trận của Nguyễn Huệ nên khi đưa ra 8 điều quân luật, y đã học theo phép đánh của người xưa để chống lại tượng binh:

... Điều thứ 4: Người Nam khi ra trận hay dùng voi. Voi không phải là món người Thanh quen thạo, hễ gặp voi thường cứ chạy đi trước. Nhưng nào có biết sức voi dẫu lớn, chung qui vẫn là con vật có huyết khí, không thể đương nổi với đồ dẫn hỏa của ta. Vậy hễ thấy voi ra trận nếu xa thì bắn bằng súng, nếu gần thì trị bằng dao và cung khiến voi bị thương, đau phải chạy quay lại, rồi tự giằng đạp lẫn nhau. Quân ta (Thanh) thừa cơ ấy mà tấn công, tất thắng không còn phải ngờ nữa ...⁴²

Thực ra quân Thanh cũng có khá nhiều kinh nghiệm với việc chống lại voi chiến vì vùng Vân Nam cũng có voi và trong lịch sử họ cũng đã có khi điều động tượng binh. Ngay từ thời trung cổ, quân Nguyên cũng đã hai lần đụng độ với voi của Đại Việt và của Pagan (Miến). Tuy lúc đầu quân Mông Cổ có hoảng hốt nhưng khi họ rút vào rừng thì cung liên hợp (composite bow) của họ lợi thế hơn nên voi bị thương quay ngược

³⁸ Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng, *Lược Khảo Binh Chế Việt-Nam Qua Các Thời Đại* (Hà Nội: Ngày Mai, 1950) tr. 44

³⁹ Vũ Minh Giang, “Tây Sơn thượng đạo, căn cứ đầu tiên của cuộc khởi nghĩa” trong tuyển tập *Tây Sơn Nguyễn Huệ* (Ty VH TT Nghĩa Bình ấn hành 1978), dẫn lại theo Li Tana, sđd tr. 148

⁴⁰ Alexander B. Woodside, sđd tr. 24. Tuy nhiên nhận xét này theo chúng tôi không mấy chính xác vì thực tế khi vua Quang Trung dùng voi đã không thành công vì đàn voi bị hoả lực của địch chặn lại và phải sử dụng quân cầm tử để tấn công (xem ở dưới).

⁴¹ Tôn Sĩ Nghị (孫士毅 - 1720-1796), tổng đốc Lương Quảng

⁴² Hoa Bằng, *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792* (Saigon: Thư Lâm, 1958) tr. 160

lại.⁴³ Quân Nguyên dùng tên lửa và vũ khí nhọn đánh bại đoàn voi của nhà Trần năm 1257 rồi sau đó quân Minh cũng đã đánh thắng 15 vạn quân Maw Shan và 100 con voi bằng súng và hoả tiễn.⁴⁴

Trong cuộc chiến tranh với Miến Điện trước khi sang nước ta không lâu, quân Thanh đã học tập khá nhiều và Tôn Sĩ Nghị cũng từng đi theo đoàn quân viễn chinh nên không xa lạ gì với voi chiến. Đối với binh sĩ chưa từng trông thấy con vật khổng lồ này, việc kinh hoàng là điều đương nhiên, nhất là nhiều khi người ta đồn đãi những điều quá sự thật.⁴⁵

Chiến Dịch Năm Kỷ Dậu

Theo tài liệu của Trung Hoa thì ngày mồng 2 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), giờ Mão (khoảng 6-8 giờ sáng), Lê Chiêu Thống chạy đến báo cho Tôn Sĩ Nghị rằng quân thám thính cho hay Nguyễn Huệ đã đem quân vượt sông kéo đến rồi, lại phao lên rằng vì mẹ con họ Lê cầu cứu quân Thanh khiến cho đại binh tiến sang giết mất mấy nghìn binh sĩ của họ, nên quân Tây Sơn nhất quyết báo thù. Tôn Sĩ Nghị thấy tình hình nguy cấp vội sai tổng binh Trương Triều Long tuyển 3000 quân tinh nhuệ chia ra đóng ở Hà Hồi, Ngọc Hồi cự địch. Thế nhưng Nguyễn Huệ quân đông thế mạnh nên họ Tôn lại phải sai Hứa Thế Hanh dẫn 1500 binh, còn y đích thân dẫn 1200 binh đi theo tiếp ứng.⁴⁶

Theo sử nước ta, ngày mồng 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu, ngay từ tờ mờ sáng quân ta đã kéo đến, đốt sạch quân lương của địch. Vua Quang Trung đích thân chỉ huy, buộc khăn vàng vào cổ để tỏ cho quân sĩ biết phải liều chết chứ nhất định không chịu lùi. Suốt ngày mồng 3 tháng giêng, Trương Triều Long mấy lần đẩy lui được đạo tiền đội của Nguyễn Huệ nhưng đến tối hôm đó thì quân Nam lại tấn công. Cũng theo tài liệu của nhà Thanh, sang ngày mồng bốn, quân Tây Sơn kéo đến như đàn ong, vây kín chung quanh doanh trại của Trương Triều Long. Trương Triều Long và phó tướng là Dương Hưng Long hết sức chống giữ, chiến đấu liên tục một ngày một đêm, sau cùng phá được vòng vây bỏ chạy, quân ta lập tức đuổi theo.

⁴³ Theo Marco Polo, quân Nguyên trong trận đó bắt được của người Miến hơn hai trăm con voi. David Nicolle, *The Mongol Warlords* (1990) tr. 70

⁴⁴ Sun Laichen, "Military Technology Transfers from Ming China and the Emergence of Northern Mainland Southeast Asia (c. 1390-1527)" *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 34, 3 (10-2003) tr. 500

⁴⁵ "... người ta đồn trong quân rằng voi còn giỏi cả kiếm thuật (swordmanship). Vòi nó được bao bằng giáp dẻo lấp dao cong như lưỡi liềm hay lấp những đoản đao tẩm thuốc độc hoặc gai nhọn" John Steward, tr. 60

⁴⁶ Những chi tiết này có thể cũng không đúng sự thật. Các cánh quân của Tôn Sĩ Nghị đã được bố trí rải rác theo đúng phép dùng binh, nếu có chỉ là tăng viện chứ không phải khi đó mới trấn giữ.

Sáng sớm ngày mồng năm tháng giêng, vua Quang Trung xua quân tiến lên, cho hơn một trăm con voi đi đầu⁴⁷, các cánh quân khác ùn ùn từ các nơi đổ xuống. Nguyễn Nguyên viết là “*giặc đều chờ đại bác bằng voi mà xông vào trận*”⁴⁸. Hứa Thế Hanh hết sức chống giữ và cho kỵ binh lên chặn quân ta. Kỵ binh nhà Thanh tuy nổi tiếng là tinh nhuệ nhưng vẫn còn trang bị cung tên, gươm giáo (súng chỉ bộ binh mới có vì chưa tiện cho việc nạp đạn, không tiện lợi bằng cung nỏ) và tập trung hỏa lực ngăn chặn quân Nam.⁴⁹

Ngựa của quân Thanh thấy voi sợ hãi quay ngược trở lại nên thế trận tán loạn, giày xéo lên nhau, Hứa Thế Hanh phải lui vào giữ đồn rồi truyền cho bộ binh bắn ra. Quân ta tiến lên mấy lần nhưng không vượt qua được hào sâu, địa lôi và chông sắt của địch. Theo tài liệu của Hội Truyền Giáo Bắc Hà, quân Thanh chống trả rất kịch liệt khiến quân ta bị chết mất khá nhiều voi, Nguyễn Huệ phải bỏ voi cưỡi ngựa, xông lên đầu chỉ huy sĩ tốt.⁵⁰ Cũng những chi tiết đó, khi biến thành tin đồn, người ta đã huyền thoại hoá con người Nguyễn Huệ thành một võ tướng một mình xông pha trận mạc như lối kể chuyện của Tam Quốc Diễn Nghĩa:

... Ngày 30 tháng Một Quang Trung rời Kẻ Voi trên lưng voi và đến chung sức, khuyến khích đội ngũ ông nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm ông liền bỏ voi và dùng ngựa. Theo lời đồn, ông đeo hai cái đoản đao

⁴⁷ Nguyễn Huệ đem ra Bắc vài trăm con voi nhưng chia ra đánh nhiều chỗ không phải chỉ một trăm con như sách vở miêu tả.

⁴⁸ “Việt Thanh chiến sử” (*La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, 1998) tr. 1344. Nguyễn Nguyên không chính mắt trông thấy nên có thể ông chỉ ghi lại theo lời đồn và không nắm vững lối dùng voi tấn công của vùng Đông Nam Á. Chương ngại lớn nhất khi giao chiến giữa hai đoàn quân, một tấn công, một phòng thủ vẫn là làm sao phá vỡ được hàng rào để xông vào. Nguyễn Huệ dùng voi cũng là một chiến thuật bất đắc dĩ vì mỗi lần xung phong đều tổn hại rất lớn. Việc dùng rơm rạ để che chính là để giảm thiểu hi sinh cho quân sĩ và voi. Chúng ta có thể đưa ra một giả thuyết là vì hỏa lực của quân Thanh bắn quá rát nên các binh sĩ hộ vệ chung quanh voi sử dụng những lá chắn đó để bảo vệ cho con vật tiến sát chân thành chứ không phải dùng để cho lính xung phong như Việt sử miêu tả. Một điều giản dị là nếu để binh sĩ đi đầu thì khi voi tiến lên sẽ giày xéo quân mình trước khi chạm địch. Còn nếu voi đi trước thì hỏa lực của địch sẽ khiến cho hàng ngũ rối loạn có thể quay ngược trở lại quân mình. Miêu tả của Nguyễn Nguyên “*giặc đều chờ đại bác bằng voi mà xông vào trận*” phải được hiểu là dùng để chuyên chở chứ không phải để vừa xung kích, vừa tác xạ. Nghiên cứu về cách bài binh của vùng Đông Nam Á sẽ cho chúng ta cái nhìn rõ ràng hơn về phương pháp của Nguyễn Huệ.

⁴⁹ Đặng Phương Nghi, “Vài Tài Liệu Mới Lại Về Những Cuộc Bắc Tiến Của Nguyễn Huệ” (*Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*, California: Đại Nam 1992) tr. 209-10. Không biết ở những đồn này súng ống được trang bị như thế nào nhưng sau trận đánh năm Kỷ Dậu – theo các giáo sĩ thì vua Quang Trung đã lấy được của địch quân “*hai ba nghìn cổ đại bác và chiến pháo, không biết bao nhiêu là súng dài và khí giới khác nhau cùng với vô số tiền bạc và những vật liệu quý giá ...*” để đem về Phú Xuân. Tuy nhiên cũng có thể một phần khí giới đây là của ông đem ra Bắc.

⁵⁰ Nguyễn Nhã, “Nguyễn Huệ, một thiên tài quân sự” Một Nhóm Học Giả, *Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ* (California: Đại Nam 1992) tr. 104. Trong trường hợp cận chiến như ở đây, voi không còn dùng để cưỡi mà dùng để công thành, húc vào các chương ngại theo đúng lối đánh bằng tượng binh của vùng Đông Nam Á.

*(gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều sĩ quan và binh lính Trung Hoa làm rất nhiều người chết về tay ông. Ông luôn mồm hô xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu ...*⁵¹

Chúng ta cũng tin tưởng rằng Nguyễn Huệ là một dũng tướng, là một cấp chỉ huy can đảm ra trận thường đi đầu sống chết với thuộc hạ. Tuy nhiên việc ông xông lên múa song đao chém quân Thanh chắc chỉ là một điều tưởng tượng. Việc làm đó không những điên cuồng mà còn đại dốt và tặc trách, không phù hợp với một con người mưu trí và khôn ngoan. Chúng ta cũng không quên rằng sau khi dùng voi tấn công nhưng không phá vỡ được thành, túng thế ông phải xua quân lên dùng trận địa lấy nhiều thắng ít để tràn ngập vị trí của đối phương. Trên thực tế, khi chủ tướng cưỡi voi xung trận, mặc dầu ngồi trên cao có thể tạo nên một vẻ uy nghi khác thường dễ dàng quan sát bốn bề để chỉ huy nhưng cũng lại là cái đích cho địch quân tập trung hỏa lực hay cung nỏ bắn vào. Một mục tiêu to lớn với nhiều đối tượng, từ người chủ soái đến quân tượng, ngay cả bản thân con vật sẽ khó có thể chịu đựng được lâu.

Trong trường hợp đó, khi tới gần nằm trong tầm đạn của địch chủ tướng thường phải xuống khỏi lưng voi, cưỡi ngựa hoặc đi bộ. Tuy nhiên, một khi quân lính không còn thấy chủ tướng trên bành chỉ huy thường có khuynh hướng hốt hoảng, dễ bỏ chạy nên việc xông xáo của Nguyễn Huệ nếu có thì không phải để chiến đấu mà là để trấn an các thuộc hạ chứ không ai dại gì xông lên để so tài với tướng sĩ bên địch như trong tiểu thuyết.⁵² Nói tóm lại, đội tượng binh của Nguyễn Huệ cũng chỉ có tác dụng giới hạn và thực tình không thể vượt qua được hỏa lực của quân Thanh, chưa kể đến gần đồn còn những chướng ngại như hào sâu, chông sắt và địa lôi như sách vở ghi chép. Sau khi bị thiệt hại khá nặng như các giáo sĩ miêu tả, Nguyễn Huệ phải cho voi thoái lui để đội khinh binh tiến lên.

Ông ra lệnh cho quân lấy ván ghép lại bên ngoài bọc rơm ướt để làm mộc chống với tên lửa che cho đại quân theo sau.⁵³ Theo tài liệu của Trung Hoa thì “Nguyễn Huệ ra

⁵¹ Đặng Phương Nghi, “Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc Tiến của Nguyễn Huệ” Một Nhóm Học Giả, *Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ* (Calif: Đại Nam, 1992) tr. 208

⁵² ... *During the actual fighting, the elephant provided the commander with a lofty but quickly movable seat from which he could watch all parts of the field and issue suitable orders as the tide of battle changed from time to time ... But the use of the elephant in battle had an insoluble disadvantage as well. The king or his general, seated on the tallest elephant, presented a conspicuous target to the enemy's gunners or even the horsemen whirling round him on swift horses. If the king was hit or had, for some reason, to dismount from that elephant and take horse, his empty howda at once convinced his troops all over the plain that their master was dead and they fled in panic. Or, if the mahout was shot off his seat the elephant could become uncontrollable ...* E. Jaiwant Paul, ‘By My Sword and Shield’ – *traditional weapons of the Indian warrior* (New Delhi: Lotus Collection, Roli Books, 1995) tr. 107-8

⁵³ Theo dã sử, quân Thanh bắn ra khiến voi của ta không tiến lên được, Nam quân phải dựng những bức tường rơm tẩm nước để tiến lên. Những mô hình xung này được chế tạo từ trước chứ không phải lúc đó mới làm. Tuy chỉ là phỏng đoán, chúng tôi cho rằng những chiến thuật mà quân Tây Sơn sử dụng trong

lệnh cho quân lính dùng rơm rạ kết lại thành từng bó lớn, lặn xả vào rồi quân lính núp ở sau tiến lên”.⁵⁴ Quân Thanh đốt thuốc súng để làm mờ mắt cho quân ta không thấy đường nhưng một lát sau gió đổi chiều, quân ta liền nhất loạt xông lên, cuối cùng cũng vào được trong đồn.⁵⁵

Như thế, xem ra việc tấn công trực tiếp bằng voi chiến không thành công nên Nguyễn Huệ đã chuyển sang phương thức thứ hai cũng rất quen thuộc của vùng Đông Nam Á. Đó là dùng chiến thuật “*biển người*”, lấy số đông để tràn ngập kèm theo các loại chất nổ, hoả dược để tấn công. Phương thức này rất phổ biến khi đánh thành mà địch thủ dùng súng ống cố thủ. Sau khi thành vỡ, quân ta tràn vào, xua voi lên giày xéo địch, bộ binh tiến theo đánh sập lá cà bằng các loại gươm giáo, đao kiếm.

Khí thế dũng mãnh đó khiến quân Thanh hoảng hốt nên bị quân ta tàn sát, chết và bị thương đến quá nửa. Hứa Thế Hanh thấy không cự nổi, đành gọi gia nhân đem ấn tín để đốc ra⁵⁶ đủ biết tình hình bi đát đến chừng nào. Càng lúc quân ta càng kéo đến đông hơn, hàng hàng lớp lớp. Trong hai ngày huyết chiến, những đại tướng của nhà Thanh như Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng ... đều tử trận. Đây là trận đánh kinh hoàng nhất và quân Nam cũng bị thiệt hại nhiều tuy sử sách không ghi chép rõ rệt.⁵⁷

việc công đồn rất có thể vay mượn từ các kinh nghiệm của các dân tộc Nam Á trong đó có cả việc kiến tạo những tấm bình lớn (một phía che bằng rơm tấm nước) dùng làm khiên chắn đạn, khi tiến đến sát chân thành thì dùng làm cầu dè lên các hàng chông, qua được hào nước thì dùng luôn làm thang leo lên mặt thành. Trong đêm tối và theo lời đồn nên người thì cho rằng quân Tây Sơn dùng ván chắn, kẻ lại cho rằng dùng các bó rơm. Xem thêm Chapter 4: Fortifications and Sieges trong *Southeast Asian Warfare 1300-1900* của Michael W. Charney (Boston: Brill Leiden, 2004)

⁵⁴ Nguyên văn: 阮文惠命兵丁以禾稈細紮成束，亂滾而前，勁兵隨後推進 (Nguyễn Văn Huệ mệnh binh đinh dĩ hoà cán khỗn trát thành thúc, loạn cổn nhi tiền, kính binh tuý hậu thôi tiến).

⁵⁵ Vào thời kỳ đó, thuốc súng (black powder) bao gồm 75% là potassium nitrate (saltpeter), 15% than (carbon) và 10% lưu huỳnh (sulfur), khi cháy ra rất nhiều khói. Thuốc súng mạnh hơn và không khói như các loại nitrocellulose, nitroglycerin, ballistite ... chỉ mới được chế tạo vào thế kỷ XIX. (Harold S. Sharp: *The Invention of Gunpowder - Footnotes to World History* – The Scarecrow Press, Inc. Metuchen, N.J. & London 1979) tr. 117-8. Ngoài ra cũng có thể quân Thanh và quân Tây Sơn đã đốt loại khói độc (toxic smoke-bombs) tức hoả cầu (火毬) trong có chứa các loại thạch tín (arsenic tức phê sương 砒霜) vì thủy khẩu rất thường sử dụng trong các trận đánh trên biển cả.

⁵⁶ Khi tướng lãnh thấy tình hình quá bi đát, phải liều chết để bảo toàn danh tiết thì sai người mang ấn tín vượt vòng vây đem về như một dấu hiệu tận trung báo quốc. Tuy nhiên ấn tín của Hứa Thế Hanh sau này cũng bị quân Nam bắt được.

⁵⁷ Theo Ngụy Nguyên thì những tướng lãnh này bị chết khi tranh nhau quan cầu phao vượt sông Nhị Hà nên bị chết đuối. Ngụy Nguyên cũng viết là quân Nam đánh vào Thăng Long ngày mồng một Tết khi quân Thanh đang ăn cỗ. Thực ra mãi đến mồng 5 quân Tây Sơn mới tiến đánh Sầm Nghi Đống tại Đống Đa (sau này giỗ trận Đống Đa vào ngày mồng 5). Việc miêu tả Tôn Sĩ Nghị còn đang yếm ỉm thì quân ta kéo đến cũng là hư cấu vì trong mấy ngày liền các trận đánh càng lúc càng ác liệt, càng tới gần, quân Thanh lo chống trả còn chưa xong, không thể nào vui chơi ca hát được. Cũng không có việc quân ta kéo đến nhanh quá nên địch không biết gì cả.

Theo lời khai và tấu chương của Tôn Sĩ Nghị thì họ Tôn thấy tình hình nguy cấp, quân Nam đã vây bốn bề nên ra lệnh cho tướng sĩ phải tử chiến một trận để báo hoàng ân, bọn Hứa Thế Hanh đáp lời xông lên trước, sau khi bắn hết đạn rồi dùng đoản binh (tức dùng gươm giáo) đánh cận chiến, khiến cho “*quân của Nguyễn Văn Huệ chết chất thành đống đâu phải chỉ vài ngàn mà thôi*”⁵⁸. Lẽ dĩ nhiên đây chỉ là lời lẽ khoa trương, thực ra quân Thanh hoảng loạn chỉ lo tìm đường chạy trốn.

Theo lời cung khai của biện viên⁵⁹ Lao Hiển (勞顯), một tù binh bị ta bắt được sau trả về cho nhà Thanh thì:

Y theo Thượng tổng binh (tức Thượng Duy Thắng) và tham tướng Vương Tuyên đem quân đóng ở đường nhỏ phía nam Lê Thành (tức Thăng Long). Ngày mồng bốn tháng giêng, quân giặc kéo đến, Lao Hiển đi theo tham tướng đem quân tiếp ứng, đến sáng sớm ngày mồng năm, mấy nghìn quân giặc vây kín doanh trại mà binh còn trong trại không bao nhiêu, Lao Hiển ra lệnh cho lính dùng súng⁶⁰ bắn ra, đến trưa thì quân địch càng lúc càng đông, voi cũng đã đến, bắn hỏa tiễn, hỏa cầu như mưa khiến quan quân tán loạn.

*Sức thấy không giữ nổi nên Lao Hiển vội đem quân phá vòng vây chạy ra khỏi doanh, bị quân giặc dùng giáo đâm vào bụng ngựa, ngã vật xuống, chân bên phải lại trúng thương, không chạy được nữa, nên bị quân giặc bắt đưa vào một căn nhà trống trong thành... Mỗi ngày họ có cho người đem cơm đến, đến ngày 16 tháng 2 (tức bị giam 40 ngày), quân giặc cho ngựa, cùng tất cả các binh sĩ (cùng bị giam) được thả ra. Y nói chưa từng trông thấy Nguyễn Huệ, chỉ nghe nói Thượng tổng binh, Vương tham tướng bị quân giặc vây đã chết rồi nhưng Lao Hiển không chính mắt trông thấy chuyện đó.*⁶¹

Khi nghiên cứu về trận đánh này không sử gia nào so sánh với lối đánh của những quốc gia khác ở vùng Đông Nam Á. Đối chiếu với những tài liệu rải rác, chúng ta thấy đây là một thể trận khá quen thuộc của những quốc gia dùng voi để tấn công vào một vị trí đóng quân cố định của địch. Súng đại bác loại nhỏ được chở trên lưng voi đi đầu để uy hiếp, kế đó là bộ binh, sau cùng là bộ phận chỉ huy thường đi bằng ngựa hay xe.

⁵⁸ Trang Cát Phát (莊吉發), *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) tr. 379. Theo thư của các giáo sĩ có mặt tại Bắc Hà còn lưu tại Nha Văn Khố Quốc Gia Paris thì “...ít nhất là có 8000 lính Tây Sơn bị giết trong số đó có một sĩ quan cao cấp (cũng là dũng sĩ của Quang Trung) tên là Đô Đốc Lân...” (Đặng Phương Nghi: sđd tr. 208)

⁵⁹ gọi chung võ quan cấp nhỏ đời Thanh. Tuy nhiên khi giao trả tù binh thì Lao Hiển (勞顯) mang cấp bậc thủ bị (tướng đương thiếu tá), Trương Hội Nguyên (張會元) là đề tiêu du kích (tướng đương thượng tá) tỉnh Quảng Đông.

⁶⁰ thương pháo 鎗礮

⁶¹ Trang Cát Phát, sđd tr. 378 (lời khai này còn giữ trong hồ sơ Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, thùng số 2778, bao số 162, đánh số 38905) (軍機處月摺包).

Tuỳ theo khả năng kỹ thuật, thế trận có thể thay đổi phần nào nhưng rõ ràng sức mạnh của tượng binh, đại pháo và súng tay là lực lượng chủ yếu để phá vỡ phòng tuyến của địch, thường là hàng rào đất hay tre, bên ngoài có cắm chông, hào nước và địa lôi.

Đặc biệt hơn cả, trong trận Kỷ Dậu, các toán quân Thanh – phần vì bị cô lập thành từng đơn vị rời rạc, phần thì không quen địa thế nên không dám chủ động tấn công trước – chỉ cố gắng giữ đồn và sử dụng hỏa lực tối đa để tự vệ. Những toán quân đó một khi núng thế, thiếu đạn dược đều bị tràn ngập và bị quân Tây Sơn tiêu diệt. Chúng ta cũng không thể bỏ qua một sự thật, quân Nam sau những thắng lợi này cũng bị thiệt hại nặng nề nhưng bên ta có một lực lượng bổ sung dồi dào mà quân địch không thể so sánh được.

Quân Nam không dừng lại mà lập tức tập trung để tiến lên đánh vào Khương Thượng, ngoại thành Thăng Long. Đồn này do Sầm Nghi Đống và toán quân Nùng (?)⁶², rất thiện chiến trấn giữ. Họ Sầm là một họ rất có thế lực làm chúa một phương, trị binh rất nghiêm. Sầm Nghi Đống được phong chức Thái Thú Diên Châu (ở phía tây tỉnh Quảng Tây, nằm giữa Trấn An và Tư Ân, giáp giới Vân Nam) chỉ huy độ 1,000 binh chống giữ đến người cuối cùng mới tự tử, bao nhiêu binh Nùng bị quân ta giết sạch.⁶³

⁶² Theo Lý Văn Hùng dịch *Lĩnh Biểu Kỷ Man* (Lưu Tích Phồn) thì binh của họ Sầm gọi là “*lang binh*” (binh chó sói) người Nùng nhưng theo trên địa đồ thì có lẽ là người Thái hay Miêu. Thái thú cũng chỉ là một chức thổ ti nhỏ, không phải tri phủ Diên Châu như nhiều sách vở chép.

⁶³ Đặng Phương Nghi: sđd tr. 209. Những dân tộc thiểu số dọc theo biên giới Hoa – Việt được tổ chức thành những đơn vị dân quân, trang bị súng điều thương. Vào thời đó, súng còn phải cần hai chiếc nạng chống và chưa nhắm được, chỉ để dưới đất rồi bắn phỏng chừng, vừa công kênh vừa không chính xác, kém linh hoạt nên quân Thanh không ưa chuộng. Thành thử họ đem súng trang bị cho các dân tộc vùng núi. Cho đến nay, nhiều sắc dân tại vùng tây nam nước Tàu vẫn còn sử dụng những loại súng cổ điển này để tự vệ và săn bắn.

KẾT LUẬN

Trận đánh mùa xuân năm Kỷ Dậu có lẽ là lần cuối cùng – và cũng là lần duy nhất trong lịch sử nước ta – voi được dùng như một đơn vị tác chiến tương đối qui mô, để lại một số dấu tích, góp phần vào một biến cố quan trọng. Sở dĩ tượng binh được đề cao và nhắc đến vì chiến thuật này chưa từng áp dụng nên không khỏi có những lời phóng đại quá sự thật. Dưới thời Cảnh Thịnh tượng binh trở nên kém thế một phần vì kỹ thuật đã tiến bộ, voi không chống lại được hỏa khí mới của Tây phương.

Việc tổ chức và duy trì một đội tượng binh không giản dị như nuôi một đàn gia súc mà phải được phối hợp và điều động nhịp nhàng với các cánh quân khác, từ pháo binh đến bộ binh, mã binh. Duy trì một đàn voi chiến tốn phí cũng rất nặng nề đòi hỏi những quản tượng có kinh nghiệm và trung thành trú đóng tại những nơi có đủ điều kiện cho voi sinh sống (cỏ, nước, khí hậu ...). Với nhu cầu khổng lồ về thực phẩm và sinh hoạt cho đàn voi, nếu quả như quân Tây Sơn có hàng trăm chiến tượng thì ắt phải thiết lập được những giáo trường khá qui mô, tương xứng trong một tổ chức chính qui. Chính vì thế, khi nghiên cứu về tình hình Đàng Trong và hình thức quân đội còn tương đối giản dị của quân Tây Sơn thời kỳ đó, chúng ta có thể tin rằng voi chiến mà vua Quang Trung sử dụng không phải là tượng binh bản địa mà là một cánh quân được điều động của những thuộc quốc trong vòng ảnh hưởng của ông, bao gồm những bộ lạc tây nguyên và một số tiểu quốc Nam Lào di chuyển theo đường núi tiến ra rồi lại rút về ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ.

Sang triều Nguyễn, các vua đầu tiên (Gia Long, Minh Mạng) cũng còn tượng binh tổ chức khá qui mô nhưng hầu như không còn được dùng trong chiến dịch nào quan trọng. Giáo sĩ de la Bissachère nhận xét về tượng binh đầu thời Nguyễn (1812) như sau:

*... ngày nay voi trong quân đội chỉ còn được dùng để chở đồ đạc và dụng cụ chiến đấu mà ít còn được dùng trong trận mạc ... Nhưng chính tượng binh lại là yếu tố quyết định thắng lợi. Những con vật này xông vào quân (địch) và đánh tan một cách hung hãn, chỉ quất vó với một cái là cả đoàn quân bạt vía. Chống trả hay đánh lại chúng không khiến voi chùn bước mà chỉ làm con vật điên cuồng hơn. Giáo không đâm thủng được da và đạn không giết được chúng ngoại trừ bắn trúng giữa trán ngay trên hai mắt. Những con vật can đảm xung trận thường được ưu đãi, ban tước hiệu, trọng vọng và trang sức, thường là ngà được bịt vàng...*⁶⁴

Thời Gia Long, tượng binh chia thành dinh đóng ở các tỉnh thành quan trọng nhưng số lượng chắc không nhiều. Bezacier, một học giả của trường Viễn Đông Bác Cổ viết

⁶⁴ Ian Heath, sdd tr. 182

trong bài “*L’art et les constructions militaires Annamites*” (B.A.V.H. số 4 Octobre-Décembre 1941) như sau:

Về thế kỷ XIX, voi chỉ còn dùng là hành ngai trong quân đội. Nhưng dưới triều Gia Long vẫn thường có những cuộc tập voi trận.

Đầu đời Gia Long, khoảng năm 1802 nhà vua định đội tượng.

Còn cách dùng voi trận thì dùng voi phá ba lũy tre, sau lũy có quân lính có súng đứng nấp; hoả pháo, chiêng, trống, đồng thời hò hét khua giậy làm cho voi khiếp đảm.

Khi một chiến lũy bị voi xông phá, quân sĩ lại lui về nấp ở chiến lũy sau.

Ở mặt lũy thứ nhất và giữa các mặt lũy khác đều có đặt những bồ dìn (nhìn) cầm gậy làm binh khí.

Mỗi con voi trên có quân tượng, đằng sau voi có nhiều lính cầm gậy để thúc voi phải tiến và ngăn không cho lùi lại. Khi cả ba lũy đều bị voi xông qua được, quân tượng và quân sĩ lại hết sức hò hét quát tháo sua (xua) voi trở lại chỗ cũ và lập một trận giả khác. Cứ như thế tập đủ ba lần liền rồi mới lệnh truyền cho voi nghỉ ...⁶⁵

Một số voi có công trạng còn được phong chức quận công (quận Ất, quận Vênh). Tuy nhiên chỉ các loại voi lớn mới được giữ tại kinh thành còn các loại voi nhỏ để ở các tỉnh.⁶⁶ Chính vì thế, một số thương nhân và phái đoàn ngoại quốc đã không nhìn thấy sự hùng tráng của tượng binh khi đến Saigon.

Việc dùng voi để công phá quân Thanh được coi như một hiện tượng hiếm có vì chính sử nước ta trước đây chỉ ghi chép những hoạt động liên quan trực tiếp với người Kinh mà ít đề cập đến những khu vực lân cận. Việc mở rộng nghiên cứu qua khu vực Ai Lao, Xiêm La và bắc Chân Lạp cho thấy Nguyễn Huệ có nhiều liên hệ và đã chi phối khá nhiều các tiểu quốc này nên có thể vận dụng khi cần đến. Khả năng đó cũng giải thích phần nào thiên tài “*xuất quỷ nhập thần*” mà người ta thường đề cao. Đây cũng là lực lượng ngầm mà ông luôn luôn dấu kín, được dùng như một mũi nhọn quyết liệt khi ông mưu toan mở một con đường chiến lược khổng lồ chế toàn bộ đông ngạn sông Cửu Long để tiêu diệt Nguyễn Ánh mà chúng tôi sẽ trình bày trong một biên khảo khác.

Tháng 11 năm 2005

⁶⁵ Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng, sdd. tr. 48

⁶⁶ Alexander B. Woodside, sdd tr. 24

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-0-

1. Amranand, Ping và William Warren. *The Elephant in Thai Life & Legend*. Bangkok: Monsoon Editions Ltd., 1998.
2. Basham, A. L. *The Wonder That Was India*. New York: Grove Press, Inc., 1959.
3. Borri, Cristophoro. *Tường Trình về Khu Truyền Giáo Đàng Trong 1631*. USA: Thăng Long, không đề năm.
4. Charney, Michael W. *Southeast Asian Warfare 1300-1900*. Boston: Brill Leiden, 2004
5. Chula Charrabongse. *Lords of Life – A History of the Kings of Thailand*. (revised edition) London: Alvin Redman, 1967.
6. Cowley, Robert & Geoffrey Parker (ed.). *The Reader's Companion to Military History*. Boston: Houghton Mifflin Company, 1996.
7. Daniélou, Alain. *The Gods of India – Hindu Polytheism*. New York: Inner Traditions Internationals, Ltd., 1985.
8. Flood, Chandin. *The Dynastic Chronicles Bangkok Era: The First Reign* (Volume Two: Annotations and Commentary) Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1990.
9. Heath, Ian. *Armies of the Nineteenth Century: Asia* (V. 4 – Burma and Indo-China). Great Britain: Foundry Books, 2003.
10. Hintz, Martin. *Tons of Fun Training Elephants*. New York: Julian Messner, 1982.
11. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792*. Saigon: Thư Lâm, 1958.
12. Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn Yên Hồ, tập II, trước tác, phần II: Lịch Sử*. Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
13. Hocquard, É. *War and Peace in Hanoi and Tonkin*. Bangkok: White Lotus Co. Ltd., 1999.
14. Jones, John R. *Vietnam Now*. Aston Publications, 1989.
15. Lâm Chí Hằng (林志恆). “Voi Á Châu” (亞洲象) Kinh Điển tạp chí, Đài Loan, số 48, ngày 1 tháng 7 năm 2002.
16. Lach, Donald F. *Asia in the Making of Europe* (V. III – Book 3, Southeast Asia). The University of Chicago Press, 1993.

17. Lê Đông Phương (黎東方). *Tế Thuyết Thanh Triều*. 細說清朝 (quyển thượng) Đài Bắc: Truệện Ký Văn Học Xã, 1987.
18. *Lê Triều Hình Luật*. (Nguyễn Q. Thắg dịch) Hà Nội: nxb Văn Hoá, 1998.
19. *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc* (tập I) Hà Nội: nxb VHTT, 1999.
20. Một Nhóm Học Giả. *Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*. California: Đại Nam, 1992.
21. Munsterberg, Hugo. *Art of India and Southeast Asia*. New York: Harry N. Abrams, Inc., 1970.
22. Nicolle, David. *The Mongol Warlords*. London: Brockhampton Press, 1990.
23. Đỗ Bang. *Những khám phá về Hoàng Đế Quang Trung*. Huế: nxb Thuận Hoá, 2003.
24. Phan Lang. “Hoạ Cảnh về Người và Xứ Quảng Nam dưới thời Tây Sơn”, Cali.: *Việt Báo Kinh Tế* số Tết Canh Thìn, 2000.
25. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*. (bản dịch Viện Sử Học) Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
26. Reid, Anthony. *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680* (V.1). Yale University Press, 1988.
27. Schulberg, Lucill. *Historic India*. New York: Time-Life Books, 1968.
28. Sharp, Harold S. “The Invention of Gunpowder” trong *Footnotes to World History*. N.J. & London: The Scarecrow Press, Inc. Metuchen, 1979.
29. Singh, Sarva Daman. *Ancient Indian Warfare*. Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1997.
30. Steward, John. “The elephant in war” *MHQ: The Quarterly Journal of Military History*, Spring 1991 Volume 3, Number 3 (New York)
31. Sun Laichen, “Military Technology Transfers from Ming China and the Emergence of Northern Mainland Southeast Asia (c. 1390-1527)” *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 34, 3 (10-2003)
32. Tarling, Nicholas (ed.). *The Cambridge History of Southeast Asia, tập I, phần 2: từ 1500 đến 1800*. Cambridge: Cambridge University Press, 1999.
33. Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng. *Lược Khảo Binh Chế Việt-Nam Qua Các Thời Đại*. Hà Nội: Ngày Mai, 1950
34. Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987. (chụp lại bản của Đài Loan Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982)

35. Wales, H. G. Quaritch. *Siamese State Ceremonies: Their History and Function*. London: Bernard Quaritch, Ltd., 1931.
36. Woodside, Alexander Barton. *Vietnam and the Chinese Model – A Comparative Study of Nguyễn and Ch'ing Civil Government in the First Half of the Nineteenth Century*. Mass: Harvard University Press, 1971.